

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG  
BAN QUẢN LÝ KCN  
VIỆT NAM – SINGAPORE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 13 tháng 7 năm 2017

Số: 887/BQL-VP

V/v cắt giảm thời gian thực hiện thủ  
tục hành chính của Ban Quản lý

Kính gửi:

- Tổng giám đốc (Giám đốc) các doanh nghiệp;
- Trưởng chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện trong khu công nghiệp Việt Nam – Singapore I, II, II-A, Mapletree.

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi và tiết kiệm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp trong việc thực hiện các thủ tục hành chính tại Ban Quản lý Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, Ban Quản lý thông báo việc thực hiện cắt giảm thời gian thực hiện một số thủ tục hành chính (theo danh sách đính kèm) so với thời gian thực hiện các thủ tục hành chính theo Quyết định số 311/QĐ-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2016, Quyết định số 2577/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và theo các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

Thời gian thực hiện: kể từ ngày 17/7/2017.

Ban Quản lý thông báo cho các doanh nghiệp biết và thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban nhân dân tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm hành chính công;
- Như trên;
- Lưu: VT, TL.



**KT. TRƯỞNG BAN**  
**PHÓ TRƯỞNG BAN**

*Nguyễn Thành Trung*  
**Nguyễn Thành Trung**





**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
ĐƯỢC CẮT GIẢM THỜI GIAN THỰC HIỆN**

(Kèm theo công văn số 837 /BQL-VP ngày 12 tháng 7 năm 2017  
của Ban Quản lý Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore)

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện theo Quyết định 311/QĐ-UBND và 2577/QĐ-UBND (ngày)	Thời gian thực hiện sau khi cắt giảm (ngày)
<b>I. Lĩnh vực Đầu tư</b>			
1	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư.	15	7
2	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	37	18
3	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ.	52	26
4	Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án có quy mô vốn đầu tư từ 5.000 tỷ đồng trở lên phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	23	11
5	Thay đổi tên dự án đầu tư; địa chỉ của nhà đầu tư hoặc thay đổi tên nhà đầu tư.	3	2
6	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư (Trường hợp điều chỉnh địa điểm thực hiện dự án đầu tư, diện tích đất sử dụng; mục tiêu, quy mô dự án đầu tư; vốn đầu tư của dự án, tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn; thời hạn hoạt động của dự án; tiến độ thực hiện dự án đầu tư; ưu đãi, hỗ trợ đầu tư (nếu có) và các điều	10	5

	kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư).		
7	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh (trường hợp điều chỉnh mục tiêu, địa điểm đầu tư, công nghệ chính; tăng hoặc giảm vốn đầu tư trên 10% tổng vốn đầu tư làm thay đổi mục tiêu, quy mô và công suất của dự án đầu tư; điều chỉnh thời hạn thực hiện dự án hoặc thay đổi điều kiện đối với nhà đầu tư).	26	13
8	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ Chính phủ (trường hợp điều chỉnh mục tiêu, địa điểm đầu tư, công nghệ chính; tăng hoặc giảm vốn đầu tư trên 10% tổng vốn đầu tư làm thay đổi mục tiêu, quy mô và công suất của dự án đầu tư; điều chỉnh thời hạn thực hiện dự án hoặc thay đổi điều kiện đối với nhà đầu tư).	47	23
9	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế.	15	7
10	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài.	15	7
11	Thay đổi nhà đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư.	10	5
12	Thay đổi nhà đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng đối với dự án hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Ủy	28	14

	ban nhân dân tỉnh.		
13	Thủ tục thay đổi nhà đầu tư trong trường hợp chuyển nhượng đối với dự án hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ.	47	23
14	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trường hợp bị mất, bị hỏng.	5	3
15	Hiệu đính thông tin Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.	3	2
16	Đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.	3	2
17	Giãn tiến độ thực hiện vốn đầu tư, tiến độ xây dựng và đưa công trình chính vào hoạt động (nếu có); tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động của dự án đầu tư	15	7
18	Tạm ngừng hoạt động dự án đầu tư.	Tiếp nhận thông báo (không có thời gian thực hiện)	
19	Chấm dứt hoạt động dự án đầu tư theo quyết định của nhà đầu tư.	Tiếp nhận thông báo (không có thời gian thực hiện)	
20	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo các điều kiện chấm dứt hoạt động được quy định trong hợp đồng, điều lệ doanh nghiệp và hết thời hạn hoạt động của dự án đầu tư.	Tiếp nhận thông báo (không có thời gian thực hiện)	
21	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC.	15	7
22	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC.	15	7
<b>II. Lĩnh vực Việc làm</b>			

1	Cấp giấy phép lao động đối với người nước ngoài	7	5
2	Cấp Giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc cho nhà thầu	7	5
3	Cấp lại Giấy phép lao động cho người nước ngoài trường hợp Giấy phép lao động bị mất, bị hủy hoặc thay đổi nội dung ghi trên giấy phép lao động	3	2
<b>III. Lĩnh vực Xây dựng</b>			
1	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng Dự án.	30	16
2	Thủ tục cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo	30	16
3	Thủ tục điều chỉnh giấy phép xây dựng.	20	16
4	Thủ tục gia hạn giấy phép xây dựng.	10	5
5	Thủ tục cấp lại giấy phép xây dựng.	10	5
<b>IV. Lĩnh vực Môi trường</b>			
1	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	30	20
2	Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường	20	14

3	Đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường	10	7
4	Thẩm định, phê duyệt Đề án chi tiết	25	20
5	Xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản	10	7
6	Kiểm tra, xác nhận các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án	30 (nếu lấy mẫu) 15 (nếu không lấy mẫu)	21 (nếu lấy mẫu) 12 (nếu không lấy mẫu)

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời gian thực hiện theo quy định hiện hành (ngày)	Thời gian thực hiện sau khi cắt giảm (ngày)
<b>V. Lĩnh vực Lao động</b>			
1	Đăng ký/ Đăng ký lại Nội quy lao động	7	5
2	Đăng ký Thỏa ước lao động tập thể	15	7
3	Đăng ký Thang lương, bảng lương	7	4

